

Chú Giải Luật Thiện Kiến

Hán dịch: **Tăng-già-bạt-đà-la** - Việt dịch: **Tỳ kheo Tâm-Hạnh**

Quyển thứ hai
(tiếp theo)

-ooOoo-

Khi ấy, đại đức Mạt-Xiễn-Đề (Majjhantika) được phái đến trong nước Kế-Tân Kiên-Đà-La-Thất (Kasmira - gandhàra). Đại đức Ma-Ha Đê-Bà (Mahà-deva) đến nước Ma-Ê-Bà-Mạt-Đà-La (Mahisakamandala). Lặc-Khí-Đa (Rakkhita) đến nước Bà-Na-Bà-Tu (Vanavasi). Đam-Vô-Đức (Yonaka-Dhammarakkhita) đến nước A-Ba-Lan-Đa-Ca (Aparataka). Ma-Ha Đam-Vô-Đức (Mahà-dhammarakkhita) đến nước Ma-Ha-Lặc-Thất (Maharattha). Ma-Ha-Lặc-Khí-Đa đến thế giới Du-Na (Yonakaloka - là đất Hán). Mạt-Thị-Ma (Majjhima) đến các nước ở cạnh Tuyết Sơn (Himavantapadesa). Tu-Na-Ca, Uất-Đa-Ca (Sonaka, Uttara) đến nước Kim-địa (Suvannabhūmi - Miền Điện). Ma-Hê-Đà, Uất-Đế-Dạ, Tham-Lâu-Bà, Bát-Đà (Uttiya, Sambala, Bhaddasāla) đến nước Su-Từ (Sihaladīpa = Tambapannidīpa - Tích lan) đều cùng nhau thiết lập Phật pháp. Các đại đức ấy đều có năm vị kết hợp nhau cùng đi đến các nước để kiến lập Phật pháp.

Tại nước Kế Tân có long vương tên A-La-Bà-Lầu (Aravāla). Vào lúc lúa trong cả nước đang kết hạt, long vương này làm mưa lớn làm cho cây lúa bị ngập nước trôi ra biển. Khi ấy, phái đoàn năm vị Tỳ-kheo của đại đức Mạt-Xiễn-Đề từ nước Ba-thất-ly-phát bay lên không trung, hạ xuống ao A-la-bà-lầu bên sườn Tuyết Sơn và đi đứng nằm ngồi trên mặt nước. Đồng tử quyền thuộc của Long vương vào thưa: - Long vương! Không biết người nào mặc y phục màu đỏ [(bhandu) (kāśāvavasana)] đang ở trên mặt nước, xâm phạm đến địa phận chúng ta.

Nghe báo, rất giận dữ, bước ra khỏi cung, thấy đại đức Mạt-Xiễn-Đề, long vương càng tức giận dữ dội thêm nên thi triển nhiều pháp thần thông trên hư không để gây kinh hãi cho Mạt-Xiễn-Đề và các Tỳ-kheo. Long vương lại gây gió bão, mưa lớn, sấm sét chớp sáng, núi đá sụp đổ, cây cối ngã nghiêng, cả hư không như sụp xuống. Đồng tử của long vương lại tập trung tất cả các rồng nhỏ khác cùng phun ra khói lửa dữ dội, mưa đá gạch lớn muốn gây khủng bố cho đại đức Mạt-Xiễn-Đề. Thấy các vị này không sợ hãi gì cả, bọn rồng la mắng: - Những kẻ trọc đầu, các ông là ai mà mặc y phục màu đỏ như vậy?

Bị mắng chửi như vậy nhưng nhan sắc của đại đức không bị thay đổi. Long vương lại mắng chửi: - Hãy bắt chúng lại đánh cho chết đi.

Sau khi la mắng như vậy, long vương kêu binh chúng hiện ra các thần thông nhưng vẫn không hàng phục được đại đức.

Dùng năng lực thần thông của mình, đại đức Mạt-Xiễn-Đề trấn áp thần thông của bọn rồng và báo: - Này long vương! Giả như ngươi có thể ra lệnh cho tất cả chư thiên, loài người cùng đến gây khủng bố cũng không làm lay động một sợi lông của ta. Nếu người

có lấy núi Tu di và các núi nhỏ ném trên ta đi nữa thì cũng không thể xâm phạm đến ta được.

Nghe đại đức nói như vậy, long vương suy nghĩ: Ta đã thi thố thần thông quá mệt mỏi rồi mà cũng không xâm phạm được vị ấy.

Rất phẫn nộ nhưng long vương đành phải đứng yên. Biết rõ tâm của long vương, đại đức đem pháp vị cam lộ ra giáo hóa làm cho chúng hoan hỷ quy phục. Sau khi tiếp nhận được pháp cam lộ, long vương liền thọ ba qui y và năm giới cấm. Tám vạn bốn ngàn quyến thuộc đều thọ trì năm giới. Nghe đại đức Mạt-Xiên-Đề thuyết pháp rồi, các qui dạ-xoa, kiên-bạt-bà (gandhabba), cuu-bàn-trà (kumbhanda) ở Tuyết sơn liền thọ trì tam qui và năm giới. Lại có dạ-xoa năm người (pancaka) cùng quyến thuộc là dạ-xoa nữ Ha-Lê-Đế-Da (Haritakin) với 500 người con đắc đạo quả Tu-đà-hoàn.

Khi ấy, đại đức Mạt-Xiên-Đề bảo với tất cả dạ-xoa và long vương rằng từ nay về sau chớ nên giận dữ, chớ tàn phá mùa màng của dân chúng, nên có tâm từ bi với tất cả chúng sinh làm cho họ được an lạc.

Tất cả các rồng, qui đáp: - Lành thay! Xin tuân theo lời đại đức chỉ dạy.

Ngay hôm ấy, long vương tổ chức cúng dường to lớn, sai người hầu đem long tọa bằng bảy báu của mình cho đại đức Mạt-Xiên-Đề dùng. Sau khi đại đức an tọa, long vương đứng bên cạnh long tọa, cầm quạt quạt cho tôn giả Mạt-Xiên-Đề. Bảy giờ, vào những ngày lễ, nhân dân nước Kế tân Kiên-đà-lặc-xoa thường tập họp đến gặp long vương. Đến cung điện này, thấy đại đức Mạt-Xiên-Đề, họ nói với nhau: - Tỳ-kheo này có thần lực này thắng cả long vương.

Do đó, mọi người đánh lễ đại đức Mạt-Xiên-Đề, rồi ngồi xuống. Tôn giả thuyết giảng kinh Tục-Thí-Dụ (Asivisopamasuttanta - kinh Xà Dụ) cho mọi người nghe. Có tám vạn chúng sinh đắc đạo quả, ngàn người xuất gia.

Pháp-sư nói: - Từ đó về sau, khắp nước Kế-tân được sáng rực bởi màu y cà-sa.

Có bài kệ:

*Nước Kế-tân Kiên đà,
Khi ấy Mạt-Xiên-Đề,
Giáo hóa Long vương dữ,
Làm cho thọ qui giới,
Lại có rất nhiều người,
Giải thoát khỏi trời buộc,
Tám vạn được thiên nhân,
Cả ngàn người xuất gia.*

Sau khi đến nước Ma-ê-ta-mạn-đà-la, đại đức Ma-Ha Đề-Bà thuyết giảng kinh Thiên-Sứ (Devadūtasutta). Có bốn vạn người đắc đạo quả và cùng nhau xuất gia. Có bài kệ:

*Ma-Ha Đề-Bà, Có đại thần lực,
Chúng ba đạt-trí, Đến Ma-ê-ta.
Thuyết giảng kinh Thiên-Sứ
Độ thoát các chúng sinh
Bốn vạn đắc thiên nhân,
Đều cùng nhau xuất gia.*

Đến nước Bà-Na-Ba-Tư, đại đức Lạc-Khí-Đa ngồi trên không thuyết kinh Vô-Thi (Anamataggapariyàyakatha). Có sáu vạn người đắc thiên nhãn (Dhammacakkhu - pháp nhãn). Bảy vạn người xuất gia. Năm trăm ngôi chùa (Vihàra) được dựng lên. Có bài kệ:

*Đại đức Lạc-Khí-Đa,
Có sức thần thông lớn,
Đến Bà-na-ba-tư,
An tọa trên hư không,
Thuyết giảng kinh Vô-thi,
Nhiều người được thiên nhãn,
Bảy ngàn người xuất gia,
Năm trăm chùa được cất.*

Đến nước A-Ba-Lan-Đa, đại đức Đàm-Vô-Đức thuyết kinh Hòa-Tụ-Dụ (Aggik khandhùpamasuttantakathà) làm cho nhân dân hoan hỷ. Có sáu vạn người đắc thiên nhãn, được uống nước pháp cam lộ (Dhammàmeta). Thanh niên và thiếu nữ thuộc chủng tộc Sát-ly (Khattiya), đều xuất gia 1000 người. Vậy là Phật pháp được truyền khắp, Có bài kệ:

*Đại đức Đàm-Vô-Đức,
Có sức thần thông lớn,
Đến A-Bà-Lan-Đa,
Giảng kinh dụ Đổng-lừa,
Mọi người được thiên nhãn,
Uống nước pháp cam lộ,
Có một ngàn Tỳ-khuru,
Và một ngàn Tỳ-khuru-ny.*

Đến nước Ma-Ha-Lặc-Thất, đại đức Ma-Ha Đàm-Vô-Đức thuyết giảng kinh Ma-Ha-Na-La-Đà-Ca-Diếp bản sinh (mahànàradakassapajàtaka) làm cho tám vạn bốn ngàn người được đắc đạo, ba ngàn người xuất gia, Phật pháp được truyền khắp như vậy. Có bài kệ:

*Đại đức Ma-Ha-Đàm,
Có sức thần thông lớn,
Đến Ma-Ha-Lặc-Thất,
Thuyết kinh Ca-Diếp bản,
Vô số đắc đạo quả,
Ba ngàn người xuất gia.*

Đến xứ sở Du-Na, đại đức Ma-Ha Lạc-Khí-Đa thuyết giảng kinh Ca-La-La-Ma (Kàlakàramasuttanta). Có bảy vạn ba ngàn người đắc đạo quả, bảy ngàn người xuất gia làm cho Phật pháp được truyền rộng ở đây. Có bài kệ:

*Ma-Ha Lạc-Khí-Đa,
Có sức thần thông lớn,
Đến đất nước Du-Na,
Thuyết kinh Ma-Ca-La,
Nhiều người đắc đạo quả,
Cả ngàn người xuất gia.*

Đến vùng cạnh Tuyết Sơn, đại đức Mạt-Thị-Ma, Ca-Diếp, Đề-Bà, Thuần-Tỳ-Đề-Tu, Sa-Ha-Đề-Bà (Kassapagotta, Alakadeva, Dumdubhissara, Sahadeva) thuyết giảng kinh Sơ-Chuyên-Pháp-Luân (Dhammacakkappavattanasuttanta). Có tám ức người chứng

đắc đạo quả. Năm vị đại đức này giáo hóa cho năm vương quốc, độ cho năm ngàn người xuất gia. Như vậy là Phật pháp được truyền bá ở vùng Tuyết Sơn. Có bài kệ:

*Đại đức Mạt-Thị-Ca,
Có sức thần thông lớn,
Đến bên vùng Tuyết Sơn,
Thuyết kinh Chuyển-pháp-luân.
Chúng sinh được đạo quả,
Năm ngàn người xuất gia.*

Đại đức Tu-Na-Ca-Na-Uất-Đa-La đến nước Kim-Địa. Tại đây, khi nào Vương phi sinh con thì có một nữ dạ-xoa từ biển cả đi vào vương cung bắt ăn trẻ ấy. Trong lúc vừa sinh được một bé trai, phu nhân của vua trông thấy đại đức Tu-Na-Ca đến, thì rất sợ hãi vì cho rằng đây là bạn của nữ dạ-xoa nên sai đem binh khí đến định giết tôn giả. Tu-Na-Ca hỏi: - Vì sao đem binh khí đến?

Mọi người đáp: - Trong cung có sinh trẻ con, mà bạn của nữ dạ-xoa định bắt để ăn thịt, ông không phải là bạn của chúng hay sao?

Đáp: - Ta không phải là bạn của nữ dạ-xoa, chúng ta là Sa-môn, đã từ bỏ việc giết hại, giữ gìn mười điều thiện, rất tinh tấn. Ta có thiện pháp.

Nghe trong cung có sinh trẻ con, nữ dạ-xoa cùng tùy tùng ra khỏi biển, bảo nhau: - Vua sinh con, ta hãy đến bắt để ăn thịt.

Thấy bọn dạ-xoa đến, những người trong nước, ở cung vua rất kinh sợ, chạy đi báo với đại đức. Khi ấy, đại đức Tu-Na-Ca hóa ra một đám đông dạ-xoa nhiều gấp bội bọn kia và bao vây chúng lại. Thấy đám đông dạ-xoa này, bọn nữ dạ-xoa suy nghĩ: Bọn dạ-xoa kia đã chiếm nước này rồi, đang tiến đến muốn bắt chúng ta để ăn.

Với suy nghĩ như vậy, bọn nữ dạ-xoa vội bỏ chạy không kịp nhìn lại, bị đám đông dạ-xoa rượt theo đến mất dạng. Đại đức Tu-Na-Ca lại tụng kinh chú nguyện phòng vệ khắp đất nước không cho các dạ-xoa xâm phạm được và thuyết giảng kinh Phạm-võng (Brahmajālasuttanta) cho mọi người. Có sáu vạn người được đạo quả. Có nhiều người thọ trì ba quy y và năm giới. Ba ngàn năm trăm người xuất gia làm Tỳ-kheo tăng và một ngàn năm trăm Tỳ-kheo ny. Như vậy là Phật pháp được truyền bá rộng.

Pháp sư nói: Từ đó đến nay, nếu sinh con, vua nơi này đều đặt tên là Tu-Uất-Đa-La (Sonuttara). Có bài kệ:

*Đại đức Tu-Na-Ca,
Tỳ-kheo Uất-Đa-Ca,
Có sức thần thông lớn,
Đi đến nước Kim-Địa,
Thuyết giảng kinh Phạm-võng,
Chúng sinh được đạo quả,
Ba ngàn năm trăm tăng,
Một ngàn năm trăm ny.*

Được đại đức Mục-Kiền-Liên-Tử Đê-Tu sai đi với chúng tăng đi đến đảo Su-Từ, ngài Ma-Hê-Đà suy nghĩ: - Nên đi lúc này hay không?

Sau khi nhập định quán sát, tôn giả biết rằng vua nước A-nậu-la-đà (Anurādhapura) ở đảo Su-từ là Văn-Trà-Tu-Ba (Mutasiva) đã già yếu, không thể tiếp nhận sự giáo hóa. Nếu đến đó giáo hóa, Phật pháp cũng không trường tồn vậy nên ở lại, chưa đến lúc đi.

Khi vua qua đời, thái tử lên ngôi, ta sẽ cùng nhau đến đó truyền bá Phật pháp. Lúc này, ta nên về quê ngoại, thăm viếng mẫu hậu. Sau khi đến nước của mẹ, ta sẽ không trở về đây mà đi luôn đến đảo Su-từ.

Sau khi đến gặp bốn-sư đánh lễ từ già, Ma-Hê-Đà cùng chư tăng rời khỏi tăng-già-lam A-dục. Đoàn này có sáu vị, Ma-Hê-Đà là thượng tọa, sa di là Tu-Mạt-Na (Sumana) con của Tăng-Già-Mật-Đa và thêm một ưu-bà-tắc tên là Bàn-Đầu-Ca (Bhanduka) cùng nhau lên đường. Qua khỏi thành Vương xá, đến thôn Nam Sơn (dakkhinagirijanapada), đoàn người tiếp tục đi đến nước của mẹ Ma-Hê-Đà.

Pháp sư nói: - Vì sao? Trước đây, khi được phong cho nước Uất-chi (Ujjeni), trên đường đến nước ấy, ngang qua thôn Tỳ-Đề-Tả (Vedisaganagara) dưới chân núi Nam-Sơn, vua A-Dục được vị trưởng giả rất giàu sang gả con gái cho làm vợ. Đến nước kia, hoàng nam Ma-Hê-Đà được sinh ra ở đó. Khi Ma-Hê-Đà lên mười bốn tuổi, A-Dục lên ngôi vua và để vợ ở lại thôn Tỳ-Đề-Tả, nước Uất-Chi. Thế nên, trong kinh văn có ghi chú: Vào tháng sáu, Ma-Hê-Đà đến gặp mẹ.

Khi Ma-Hê-Đà đến nước của mẹ, người mẹ ra nghênh đón, lạy sát dưới chân, mời thọ trai và dâng cúng chùa lớn hiệu Tỳ-Địa-Tả.

Sau khi trú tại chùa này một thời gian ngắn, Ma-Hê-Đà suy nghĩ: Nơi này, việc làm đã xong, đến lúc lên đường chưa?

Tôn giả lại suy nghĩ: Hãy chờ vua A-Dục sai sứ đến đảo Su-từ (Sihaladipa, Samp.Lankadipa) phong cho thái tử Thiên-Ái Đề-Tu (Devānampiyatissa) lên ngôi vua rồi ta sẽ sang đó. Nếu thái tử ấy được lên ngôi, lại được vua A-Dục phong vương và nghe được công đức của Như Lai thì rất vui mừng. Chờ vua ấy đi đến núi Mì-sa-già (Missakapabbata), ta sẽ đến gặp, một tháng sau sẽ đến đó.

Vào ngày mười lăm tháng tư, khi chúng tăng tập hợp bố tát, cùng nhau tính toán, mọi người đều nói: - Đến lúc nên đi.

Pháp sư nói: - Khi ấy có nói kệ khen ngợi:

*Thượng tọa Ma-Hê-Đà,
Đại đức Uất-Địa-Du,
Đại đức Uất-Đế-Du,
Đại đức Bạt-Đà-Đa,
Đại đức Tham-Bà-Lâu,
Sa di Tu-Ma-Na,
Đều chúng ba đạt trí,
Thiện nam Bàn-Đầu-Ca,
Đã chúng đắc đạo-tích,
Đây là các đạo sĩ.*

Khi ấy, biết vua Trà-Tu-Bà đã qua đời, Thiên-Đế-Thích giáng hạ, thưa với Ma-Hê-Đà: - Vua A-Nậu-La-Đà nước Su-Từ đã qua đời, thái tử Thiên-Ái Đề-Tu đã nối ngôi. Con nhớ ngày xưa khi còn tại thế, Phật có báo trước Tỳ-kheo Ma-Hê-Đà sẽ làm hưng thịnh Phật pháp ở nước Su-Từ. Vì vậy đại đức nên đi ngay, con cũng đi theo đến nơi ấy. Khi ấy, dưới cội Bồ đề, dùng thiên nhãn quán sát khắp thế gian, thấy Phật pháp sẽ hưng thịnh ở nước Su-Từ nên Phật ra lệnh cho con rằng hãy đi cùng đại đức Ma-Hê-Đà sang đảo Su-từ để xây dựng Phật pháp. Thế nên, con mới thưa như vậy.

Nghe Thiên-Đế-Thích nói như vậy xong, từ núi Voi ở Tỳ-Địa-Tả (vedisakapabbata), đại đức Ma-Hê-Đà cùng đại chúng bay lên hư không bay sang đảo Su-Từ nước A-Nậu-

La-Đà, đến núi My-Sa-Ca ở hướng Đông, hạ xuống. Thế nên, từ đó đến nay nơi này được gọi là núi Voi (cetiya-pabbata). Pháp sư nói: - Có bài kệ nói rằng:

*Ở lại thôn Tỳ-Địa,
Trái qua ba mươi ngày,
Đã đến lúc lên đường,
Đi sang đảo Su-Tử,
Từ lục-địa Diêm-phù,
Tuần tự bay sang đảo,
Như nhạn bay trên không,
Thẳng hàng đứng thứ tư,
Các vị đại đức này,
Tạo nhân duyên đầu tiên,
Như đám mây lớn đến
Núi hướng Đông nước này,
Trên đỉnh núi Mi-sa,
Họ nhẹ nhàng hạ xuống.*

Khi các vị đại đức này với Ma-Hê-Đà là thượng tọa đến đảo Su-tử, vào năm thứ 236 sau đức Phật nhập Niết-bàn, nên biết đây là thời điểm bắt đầu Phật pháp được truyền bá sang đảo Su-tử.

Phật nhập Niết-bàn khi vua A-Xà-Thế lên ngôi được tám năm. Vào năm này, đồng tử Su-Tử (Sihakumara) vừa lên ngôi vua ở đảo Su-tử.

Lại có đồng tử tên Tỳ-Xà-Na (Vijaya) đến đảo Su-tử, kiến thiết chỗ ở an ổn cho nhân dân. Khi ấy vua ở đất Diêm-phù tên là Uất-Đà-Da-Bạt-Đà-La (Udayabhadra) lên ngôi vua được 14 năm.

Khi Tỳ-Xà-Na qua đời ở đảo Su-tử thì Uất-Đà-Da-Bạt-Đà-La đã làm vua được 15 năm.

Tại nước Su-tử, Bán-Đầu-Đề-Tu-Đề-Bà (Panduvāsadeva) lên ngôi vua thì tại Diêm-phù-ly, vào lúc Na-Ca-Trục-Tả-Ca (Nāgadassaka) lên ngôi vua đã 20 năm.

Khi vua Bán-Đầu-Đề-Tu-Đề-Bà qua đời, A-Bà-Na (Abhaya) lên làm vua thì tại Diêm-phù-ly, vua tên Tu-Tu-Phật-Na-Ca (Susunāga) làm vua 17 năm.

Tại đảo Su-tử, khi A-Bà-Da làm vua được 20 năm, có Bà-Quân-Trà-Ca-Bà-Da (pakundakābhaya) nổi binh đánh chiếm ngôi và lên làm vua.

Tại cõi Diêm-phù, vua tên Ca-A-Dục (Kālāsoka) trị vì được 16 năm thì vua Ba-Quân-Trà-Ca-Ba-Da đã trị vì 18 năm.

Vua ở Diêm-phù-ly tên Chiên-Đà-Quật-Đa (Candagutta) trị vì được 14 năm thì vua Ba-Quân-Trà-Ca-Ba-Da ở đảo Su-tử qua đời và Văn-Trà-Tur-Ba lên làm vua.

Tại Diêm-phù-ly, khi A-Dục ở ngôi vua được 17 năm (thì tại đảo Su-tử) Văn-Trà-Tur-Ba qua đời và vua Thiên-Ái Đề-Tu lên thay thế.

Khi Phật đã nhập Niết-bàn, vua A-Nậu-Lậu-Đà (Anurudha) và vua Mẫn-Trù (Munda) đều tại vị đã 8 năm. Vua Na-Ca-Đãi-Bà-Ca (Nāgadassaka) làm vua được 14 năm, Tu-Tu-Phật-Na-Ca làm vua 18 năm thì con lên nối ngôi hiệu là A-Dục (Asoka, Kālāsoka) làm vua được 18 năm. Vua A-Dục có 10 người con đều lên ngôi vua trong thời gian 22 năm.

Sau đó, Mân-Nan-Đà (Nava Nanda) thay lên làm vua trong 22 năm. Lại có Chiên-Đà-Quạt-Đa làm vua trong 24 năm. Vua Tân-Đầu-Sa-La (Bindusàra) lên thay ngôi trong 28 năm.

Vua A-Dục lên nối ngôi được 18 năm thì Ma-Hê-Đà là con vua đi đến đảo Su-từ; nên biết thứ tự các triều đại vua như vậy.

Khi ấy, vì đi tránh sao hạn xấu nên vua Thiên-Ái Đê-Tu ra lệnh các quan đánh trống truyền lệnh vua sẽ ra khỏi thành để tránh hạn xấu. Sau khi truyền lệnh, cùng bốn vạn người vây quanh ra khỏi thành đến núi My-sa-ca, vua muốn săn bắn. Khi ấy, trong núi có một thân cây muốn làm cho vua gặp đại đức Ma-Hê-Đà nên hóa ra một con nai đang từ từ đi ăn cỏ ở gần vua. Thấy con nai, vua liền giương cung lắp tên muốn bắn với ý nghĩ: Ta phải bắn trúng con nai này.

Nai chạy về hướng đường Xà-bà-đà-la (Ambatthalamagga) và vua rượt theo đến Xà-bà-đà-la (Ambatthala). Biết gần đến chỗ Ma-Hê-Đà, con nai biến mất.

Thấy vua đã đến gần, Ma-Hê-Đà suy nghĩ: ta hãy dùng thần lực làm cho vua chỉ thấy ta chứ không thấy người khác. Đại đức Ma-Hê-Đà gọi Đê-Tu: - Nay Đê-Tu hãy đến đây.

Nghe gọi đến, vua suy nghĩ: Trong đất nước này, ai lại dám gọi tên ta, đây là ai vậy mà mặc y phục đồ được may thành băng cách cắt rọc ra (Chinnabhinnapatadhara Bhandukàsàvavasana) lại gọi tên ta.

Với sự nghi ngờ, vua hỏi: - Người nào vậy, là thần hay qui?

Đại đức Ma-Hê-Đà đáp: - Chúng tôi là Sa-môn Thích-tử của đức Pháp-Vương, vì thương tưởng đến đại vương nên từ Diêm-phù-ly đến đây.

Trước đây, vua Thiên-Ái Đê-Tu và vua A Dục đã có giao tiếp quen biết nhau qua thứ tín. Vua Thiên-Ái Đê-Tu với tướng mạo uy nghiêm đức độ, có ngọn núi tên Xa-đa-ca (Chàtakapabbata). Rừng tre bên cạnh núi này có ba loại tre lớn như trục xe. Một tên Đẳng-trượng, hai tên Hoa -trượng, ba tên Điều-trượng. Đẳng-trượng có màu trắng như bạc, dây vàng quấn quanh. Hoa-trượng có các loại hoa anh lạc màu vàng biếc đỏ đen trắng. Điều-trượng giống như sinh vật, có các loại chim như chim ung, chim điều (hamsa-hukkuta-jivajivaka) chim kỳ bà, chim thị-tỳ-ca và các loại chúng sinh bốn chân.

Pháp sư nói: - Xưa có bài kệ (Dipava):

*Bên núi Xa-đa-ca,
Có một rừng tre rậm,
Trong có ba loại tre,
Màu sắc trắng như bạc,
Vàng, trắng, đỏ, xanh, đen,
Dây vàng quấn um tùm,
Các chim, thú bốn chân,
Nhiều loại hoa chiếu sáng.*

Trong biển sản xuất ra nhiều báu vật như san hô, ngọc ma ni, vàng bạc... Lại có tám loại châu ngọc quý là Mã-châu, Tượng-châu, xa-châu, Bà-la-ca châu, Bà-la-da châu, Triền chi châu, Ca-curu-đa-bà-la châu, Thế gian châu (attha muttà: - Hàyamuttà, gajamuttà, rathamutta, Amalakamutta, Vralayamutta, angulivetthakamutta, kakudhaphalamutta, pàtakikamutta). Vua Thiên-Ái Đê-Tu sai sứ đem ba loại tre trên và các báu vật cùng tám loại ngọc quý ở trên dâng cho vua A-Dục. Nhận những vật này,

vua A-Dục rất vui mừng và đáp lễ với năm loại vương phục là lông, phất, kiếm, mũ và giày bầy báu cùng vô số bảo vật (panjarajakakudhabhandani: chatta, càmara, khagga, moli, ratana-pāduka). Những tặng vật quý giá như cái tù-và quý (Dakkhināvatta-sankha), bát luôn đầy nước sông Hằng (Gangodaka), hoa trang sức ở tai (vatamsaka), bình quý bằng vàng (bhinkāra), một cặp y phục màu đen mượt như tóc, khăn tay (hatthapunchana), chiên-đàn xanh (haricandana), bột đất màu bình minh (arunavannamattika), quả đuốt màu vàng (haritaka), quả xoài (āmalaka), các cô gái đẹp.

Pháp sư nói lại bài kệ xưa (dipava):

*Mũ vua phất, lông, kiếm,
Giày trang trí bầy báu,
Bình vàng với tù-và,
Cặp y phục đen mượt,
Bát vàng trang bị đủ,
Đựng nước ao A-nậu,
Khăn tay quý trắng sạch,
Chiên đàn xanh vô giá,
Đất trắng màu bình minh,
Thuốc trị mắt của rồng,
Trái xoài, A-lê-lặc,
Thuốc cam lộ quý báu,
Gạo do anh-vũ dâng,
Số lượng năm trăm gánh,
Những báu vật đẹp này,
Nhờ công đức A-Dục.*

Những báu vật trên là tặng vật thế gian (Amisapannākāra), lại có những tặng vật Tam bảo (Dhammapannākārā). Vua A-Dục nói: - Ta đã quy y Phật, Pháp và Tăng bảo, làm người Ưu-bà-tắc; đây là pháp của người Thích tử đối với Tam-bảo. Người hãy chí tâm tin thọ Phật pháp này.

Vua A-Dục đưa lễ vật thư tín đáp lại tặng vật của vua Thiên-Ái Đế-Tu và phong vương vị cho vua này. Vào ngày rằm tháng ba, vua Thiên-Ái Đế-Tu nhận lĩnh vương vị. Sau đó một tháng, tăng đoàn Ma-Hê-Đà đến đảo này.

Nghe Ma-Hê-Đà tự xưng là Thích tử, tại chỗ săn bắn, vua Thiên-Ái Đế-Tu nhớ lại trong thư của vua A-Dục có nói đến Thích-tử, nên nhà vua vút bỏ cung tên rồi xuống một bên chào hỏi nhau. Pháp sư nói lại bài kệ khen ngợi:

*Vút bỏ cung tên,
Ngồi xuống một bên,
Đại vương ngồi yên,
Thăm hỏi đại đức,
Hỏi đáp giáo pháp,
Có bốn vạn người,
Đến chỗ nhà vua,
Cùng nhau vây quanh.*

Khi đoàn quân đã đến, đại đức Ma-Hê-Đà liền hiện ra đủ sáu vị. Thấy như vậy, vua hỏi:

- Đại đức! Sáu người này đến từ lúc nào vậy?

Đáp: - Cùng đến với tôi.

Vua lại hỏi: - Ở Diêm-phù-ly có các vị Sa-môn như thế này không?

Đáp: - Tại xứ ấy, chúng Sa-môn rất đông, màu y ca-sa chói sáng khắp nước. Họ đều chứng ba đạt trí, thần thông vô ngại, chúng quá lậu tận La-hán, thấu rõ tâm người khác; chúng Thanh văn đệ tử của Phật rất nhiều.

Vua lại hỏi: - Các đại đức đến đây bằng phương tiện gì?

Đáp: - Chúng tôi không đến bằng đường thủy hay bộ.

Vua suy nghĩ: - Như vậy, họ vượt qua hư không đến.

Ma-Hê-Đà lại suy nghĩ: - Nhà vua có trí tuệ hay không, ta sẽ thử xem.

Khi ấy, vua đang ngồi gần một cây xoài (ambarukkha). Nhắm vào cây xoài, Ma-Hê-Đà hỏi: - Đại vương! Đây là cây xoài phải không?

Đáp: - Đúng là cây xoài.

Hỏi: - Bỏ cây xoài này qua, có còn cây khác không?

Đáp: - Có cây khác.

Hỏi: - Bỏ cây này qua, có cây khác không?

Đáp: - Có!

Hỏi: - Lại bỏ cây ấy qua, có cây khác không?

Đáp: - Có.

Hỏi: - Bỏ hết những cây khác ấy đi, còn có cây nào không?

Đáp: - Đó là cây xoài phải không?

Ma-Hê-Đà khen: - Lành thay! Đại vương có trí tuệ lớn.

Ma-Hê-Đà lại hỏi: - Đại vương có thân tộc không? (nataka)

Đáp: - Rất nhiều.

Hỏi: - Hãy để thân tộc của vua qua, người khác có thân tộc không?

Đáp: - Rất nhiều.

Hỏi: - Hãy để thân tộc của vua và của người khác qua, vậy còn có ai không?

Đáp: - Còn chính con.

Ma-Hê-Đà đáp: - Lành thay! Lành thay! Đại vương thông minh, tự biết thân mình chẳng phải là thân tộc của mình và của người khác.

Nhân đó, đại đức Ma-Hê-Đà nói rằng vị vua trí tuệ này có thể kiến thiết Phật pháp, nên thuyết giảng kinh Chú-la-ha tượng-thí-dụ (Cūḷalathīpadopamasutta). Vua và bốn vạn

người cùng thọ ba quy y một lượt. Sau khi nghe pháp xong, sai người trở lại kinh đô để lấy thức ăn, vua suy nghĩ: Giờ này là phi thời, không phải lúc sa-môn ăn.

Khi thức ăn đã được đem đến, vua muốn ăn một mình nhưng vẫn do dự nên hỏi: - Thưa các đại đức! Quý vị có thọ trai không?

Đáp: - Giờ này không phải lúc Sa-môn chúng tôi thọ thực.

Hỏi: - Dùng giờ nào là thanh tịnh?

Đáp: - Thời gian từ sáng sớm đến giữa trưa là tịnh pháp.

Vua nói: - Thịnh quý đại đức, cùng trầm trở lại kinh đô.

Đáp: - Không được, chúng tôi ở lại đây.

Vua thưa: - Nếu quý đại đức ở lại, xin thỉnh đồng tử cùng đi.

Đáp: - Đồng tử này đã đắc đạo quả, thông hiểu Phật pháp, đang sắp xuất gia.

Vua đáp: - Như vậy, sáng mai con sẽ đưa xe đến nghênh đón.

Nói xong, vua đánh lễ sát chân chư Tăng rồi từ giã. Vua đi chưa bao lâu, Ma-Hê-Đà gọi sa di Tu-Ma-Na:

- Lúc này nên thuyết pháp, con hãy thông báo sắp chuyển pháp luân.

Tu-Ma-Na thưa: - Con sẽ truyền âm thanh đến đâu?

Đáp: - Khắp nước Su-từ.

Tu-Ma-Na thưa: - Lành thay, đại đức.

Sau khi nhập vào thiền thứ tư, rồi xuất định, với nhất tâm làm sao nhân dân khắp cả nước Su-từ nghe tiếng nói của ta, vị này thông báo giờ thuyết pháp ba lần.

Nghe tiếng thông báo ba lần vang dội, vua sai người đến chỗ các vị đại đức hỏi có ai xúc phạm các vị làm cho phát ra tiếng vang lớn như vậy?

Các đại đức đáp: - Không ai xúc phạm cả, tiếng loan báo này là sắp thuyết giảng Phật pháp.

Nghe tiếng loan báo của sa di, địa thần rất hoan hỷ kêu lớn lên vang tận hư không. Trên hư không, chư thần tuân tự truyền cho nhau lên tận cõi Phạm-thiên. Nghe tiếng thông báo, chư thiên cõi Phạm tập họp lại hết.

Khi ấy, Ma-Hê-Đà thuyết kinh Bình-Đẳng-tâm (Samacittasuttanta). Sau khi thuyết giảng, có vô số chư thiên đắc đạo tích (dhammabhisaṃmayā); Ma-hầu-la-già, Ca-lâu-la... đều thọ ba quy y. Như ngày xưa, khi đại đức Xá-Ly-Phát giảng kinh Bình-Đẳng-Tâm có vô số người được đạo quả, bây giờ đại đức Ma-Hê-Đà thuyết pháp này cũng được kết quả như vậy.

Qua đêm ấy, vào sáng hôm sau, vua đưa xe đến nghênh đón. Đến nơi, sứ giả thưa: - Bạch chư đại đức! Xe đã đến, xin quý ngài hạ cổ lên xe.

Chư tăng đáp: - Chúng tôi không đi xe, các vị về trước, chúng tôi theo sau.

Sau khi nói như vậy, các vị ấy vượt qua hư không đến phía Đông kinh đô của nước An-nậu-la là trú xứ ngày xưa của chư Phật, hạ xuống. Tại nơi mà tăng đoàn Ma-Hê-Đà bước xuống được gọi là Trú-xứ đầu tiên (Pathamacetiyyathàna). Vua sai sứ giả nghênh đón các đại đức và ra lệnh các quan xếp đặt phòng xá. Nghe vua ra lệnh như vậy, các quan rất vui mừng, vua lại suy nghĩ: - Theo pháp đã thuyết hôm qua thì pháp của sa-môn là không được sự dụng chỗ nằm ngồi rộng lớn.

Vua tính toán chưa xong thì sứ giả đã trở về đến cửa thành. trông thấy các đại đức đã có mặt tại phía Đông thành với y phục nghiêm trang, sứ giả rất vui mừng vào tâu vua: - Các đại đức đã đến.

Vua hỏi: - Các đại đức dùng xe phải không?

Đáp: - Quý ngài không chịu dùng xe. Chúng tôi về trước, các đại đức theo sau nhưng đã có mặt trước ở phía Đông thành.

Nghe sứ giả tâu, vua ra lệnh: - Không cần phải bố trí chỗ ngồi cao lớn, hãy trải chỗ ngồi bằng nệm êm trên đất.

Sau khi truyền lệnh, vua ra ngoài nghênh đón các vị đại đức. Các quan đại thần dùng các tấm len mịn trải trên nệm. Các thầy tướng trong nước thấy vua trải nệm trên đất nên suy nghĩ: Các sa-môn này đã chiếm cứ vùng đất này, vĩnh viễn không di chuyển được.

Đến nơi đón các đại đức, nhà vua làm lễ sát dưới chân, đem các vật ra cúng dường rồi thỉnh vào trong nước. Thấy các tấm nệm trải trên đất, nhóm đại đức Ma-Hê-Đà đều suy nghĩ: - Giáo pháp của chúng ta vĩnh viễn không di chuyển khỏi vùng đất này.

Sau khi các vị đại đức tuân tự an tọa theo thứ bậc, nhà vua đem các món ăn uống thơm ngon quý giá đích thân dâng lên cúng dường đầy đủ, được tin của vua báo, đại phu nhân tên A-Dật-La (Anuladevi) cùng trong cung 500 phu nhân đều mang hương hoa đến dâng cho vua rồi ngồi qua một bên. Khi ấy, vì đại chúng, đại đức Ma-Hê-Đà mưa trận mưa pháp bằng cách thuyết kinh Nga-quĩ Bôn-sinh (petavattu), Cung-điện bản-sinh (Vimānavattu) giảng pháp Tứ-đê (Saccasamyutta). Nghe thuyết xong, 500 phu nhân đều đắc đạo quả. Nhân dân trong nước mà trước đây có theo vua đi đến núi My-sa-ca (Missakapabbata) đều cùng truyền nhau khen ngợi công đức cao tốt của các đại đức. Gần xa đều kéo đến chen lấn nhau với số lượng quá đông che kín không được thấy các đại đức nên mọi người kêu la vang dậy.

Vua hỏi: - Cái gì kêu lớn như vậy?

Đáp: - Nhân dân trong nước không được thấy các đại đức Tỳ-kheo nên kêu la vang dậy.

- Trong này quá chật hẹp, không thể vào được - Vua suy nghĩ như vậy rồi bảo các quan: - Hãy thu dọn trong nhà để voi lớn (hatthisāla), phủ cát trắng trên đất, rải hoa ngũ sắc, che các tấm màn và đưa quý đại đức vào an tọa ở đó. Sau khi bố trí xong, các quan vào tâu vua và sau đó các đại đức vào an tọa trong ngôi nhà voi rồi thuyết giảng kinh Thiên-Sứ, có ngàn người đắc đạo quả. Khi ấy, số người trong nhà voi lại tăng thêm nữa, nên pháp hội được di chuyển đến khu vườn Nan-đà (Nandanavana) ở ngoài cửa thành phía Nam. Các tấm nệm được trải ra trong vườn. Đến đó, các đại đức Tỳ-kheo thuyết giảng kinh Độc-Dụ, có ngàn người đắc đạo. Thuyết pháp từ ngày thứ nhất đến ngày thứ ba, có 2500 người đắc đạo-tịch. Khi các đại đức ở trong vườn Nan-đà, có các phụ nữ trưởng giả trong nước đến làm lễ thăm hỏi từ sáng đến chiều.

Thấy các Tỳ-kheo đứng dậy, các quan ngạc nhiên hỏi: - Quý đại đức, định đi đâu?

Đáp: - Chúng tôi muốn trở về chỗ ở.

Các quan tâu vua: - Đại vương, các pháp sư định ra đi, ngài đồng ý không?

Vua liền thưa: - Quý đại đức! Trời đã tối, làm sao đi được, xin ở lại đây.

Các Tỳ-kheo đáp: - Không ở được.

Vua lại thỉnh: - Cha con có khu vườn tên My-già (Meghavana) không quá gần, quá xa nơi đây, quý ngài có thể ở lại đó để đi lại dễ dàng.

Theo lời mời của vua, các đại đức ở lại đó. Sáng sớm hôm sau, lại đến thăm hỏi các đại đức, sau khi làm lễ, nhà vua thưa:

- Đêm qua, quý ngài ngủ ngon không, sức khỏe như thế nào, có thể ở lại trong vườn này không?

Sau khi trả lời có thể ở được, các đại đức lại thuyết kệ pháp: Phật có dạy rằng ta cho phép các Tỳ-kheo sống trong vườn.

Nghe như vậy, vua rất vui mừng, cầm bình vàng đựng nước (Suvannabhinkàra) tạt nước lên tay của tôn giả Ma-Hê-Đà. Khi ấy, khắp đất nước chấn động. Vua rất kính sợ, hỏi:

- Thưa các đại đức! Vì sao mặt đất chấn động mạnh như vậy?

Ma-Hê-Đà đáp: - Đại vương, đừng kinh sợ, giáo pháp của đức Mười lực hưng thịnh ở đất nước này, chùa lớn sắp được xây dựng ở đây, nên mặt đất báo trước điềm lành bằng hiện tượng này.

Nghe như vậy, vua vui mừng vô cùng.

Vào sáng sớm, Ma-Hê-Đà và chúng tăng vào cung thọ thực. Sau đó, các vị cùng trở về vườn Nan-đà.

Luật Thiện Kiến Tỳ-Bà-Sa

- Quyển thứ hai -

-ooOoo-

[Chương trước](#) | [Đầu trang](#) | [Mục lục](#) | [Chương kế](#)

Chân thành cảm ơn Tỳ kheo Thiện Minh đã gửi tặng phiên bản điện tử (Bình Anson, 01-2001)

[[Trở về trang Thư Mục](#)]

update: 10-02-2001